

Số: 61/2025/QĐST-HNGĐ

*Bắc Ninh, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958.

HKTT: Số 3, ngách 55, ngõ Chùa L, Bạch M, phường C, quận H, thành phố Hà Nội (nay là Số 3, ngách 55, ngõ Chùa L, Bạch M, phường B, thành phố Hà Nội).

Trú tại: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1960.

HKTT: Số 3, ngách 55, ngõ Chùa L, Bạch M, phường C, quận H, thành phố Hà Nội (nay là Số 3, ngách 55, ngõ Chùa L, Bạch M, phường B, thành phố Hà Nội).

Trú tại: Thôn L, xã LB, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trọng T và bà Ngô Thị T1 đều thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T và bà Ngô Thị T1 đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1985; cháu Nguyễn Hồng H, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Lan P, sinh năm 1997. Hiện các cháu đã trưởng thành, lập gia đình riêng; ông T và bà T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Ông T và bà T1 tự thoả thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Trọng T và bà Ngô Thị T1 được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 8 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Đỗ Cường Dũng**